

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trong lĩnh vực
nông nghiệp và môi trường**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 008/2025/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 2. Căn cứ Kế hoạch này, các Phòng, Chi cục, Trung tâm và các đơn vị thuộc Sở xây dựng kế hoạch chi tiết, giao trách nhiệm và thời gian thực hiện từng nội dung cụ thể đối với từng cá nhân, đảm bảo chất lượng, thời gian và đúng quy định. Giao Phòng Kế hoạch Tài chính theo dõi, đôn đốc; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng thuộc Sở; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Ban biên tập Trang TTĐT Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, KHTC (Luân 05b).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Huân

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

(kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Thực hiện Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (sau đây viết tắt là *Kế hoạch hành động*), với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng, những giải pháp thực hiện thuộc lĩnh vực nông nghiệp môi trường trên cơ sở các nội dung được giao tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh. Tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong nhận thức và hành động của công chức, viên chức, người lao động và người dân góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hải hòa các mục tiêu tăng trưởng bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính, tham gia tích cực thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về giảm phát thải khí nhà kính. Tiếp tục nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh; gắn tăng trưởng xanh với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp và môi trường.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch hành động này là căn cứ để các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện hiệu quả các nội dung đề ra tại Kế hoạch hành động.

- Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản thông qua chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tăng hấp thụ các-bon từ hệ sinh thái rừng và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên đất, nước.

- Thúc đẩy tăng trưởng xanh và sản xuất sạch, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, bền vững; đồng thời nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái và phát triển kinh tế – xã hội ổn định, lâu dài.

- Tích hợp đồng bộ các mục tiêu bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước và các kế

hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm, trung hạn và dài hạn; bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển kinh tế với yêu cầu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Quá trình thực hiện Kế hoạch hành động phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết; thường xuyên cập nhật chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp và môi trường theo hướng sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các bon thấp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững; giảm ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên hướng đến nền kinh tế xanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về giảm cường độ phát thải khí nhà kính (KNK)

- Góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014; đóng góp vào lộ trình phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam.

- Giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp thông qua chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, tiết kiệm đầu vào và giảm phát thải.

- Nâng cao khả năng hấp thụ và lưu giữ các-bon thông qua bảo vệ, phát triển rừng; duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn toàn tỉnh.

2.2. Mục tiêu về xanh hóa sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp và tài nguyên môi trường

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng ngành theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn; khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng và đa dạng sinh học.

- Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; tăng tỷ lệ tái sử dụng, tái chế phụ phẩm nông nghiệp, giảm thiểu phát thải và ô nhiễm môi trường nông thôn.

- Xây dựng nền kinh tế đảm bảo đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững; hình thành lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên, bảo vệ và phát triển cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định từ 42% trở lên; nâng cao chất lượng rừng và diện tích rừng được quản lý bền vững.

- Tỷ lệ đảm bảo tưới cho diện tích cây trồng có nhu cầu sử dụng nước đạt trên 86%; nâng cao hiệu quả sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp.

2.3. Mục tiêu về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững

- Thúc đẩy xây dựng nông thôn mới theo hướng sinh thái, môi trường xanh – sạch – đẹp; nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường và sử dụng bền

vững tài nguyên thiên nhiên.

- Đến năm 2030: Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 98%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom chiếm 10%.

- Tăng cường phân loại chất thải tại nguồn và mở rộng các mô hình xử lý, tái chế chất thải phù hợp điều kiện địa phương.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm đất, nước, không khí; bảo đảm tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

2.4. Mục tiêu về bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu trong quá trình chuyển đổi xanh

Nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, nội dung, giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, nông thôn; góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, thay đổi hành vi của người tiêu dùng và sử dụng tài nguyên theo lối sống xanh, bền vững.

- Đa dạng hóa các phương thức truyền thông; trong đó nâng cao nhận thức và hiểu biết của các bên liên quan thông qua công tác đối thoại chính sách về tăng trưởng xanh, chuyển đổi hệ thống lương thực xanh - các bon thấp.

- Tổng hợp, đăng tải trên các trang thông tin điện tử, báo, tạp chí, phương tiện truyền thông về các mô hình nông nghiệp sinh thái bền vững, cách làm hay, sáng tạo về tăng trưởng xanh để tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút và khuyến khích người dân, người sản xuất kinh doanh nông nghiệp tham gia áp dụng và nhân rộng.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Sở

Đơn vị phối hợp: Các phòng, Chi cục, Trung tâm và các đơn vị thuộc Sở.

2. Triển khai thực hiện các hoạt động để giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản

2.1. Rà soát phân quỹ đất trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, đất trồng mới rừng sản xuất; đất quy hoạch trồng cây xanh đô thị, đất phát triển trồng cây xanh phân tán vùng nông thôn... làm cơ sở xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án trồng rừng, trồng cây xanh phân tán hàng năm và cả giai đoạn để tích hợp vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Kiểm lâm

Đơn vị phối hợp: Chi cục Quản lý đất đai, Quỹ Bảo vệ, Phát triển rừng và Môi trường, các địa phương.

2.2. Phát triển nông nghiệp tinh theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao với phương châm mục tiêu sản xuất sạch, tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học, tạo giống, các loại hình dịch vụ kỹ thuật, chú trọng dịch vụ giống nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và bền vững, giảm phát thải nhà kính, cải thiện môi trường, góp phần ứng phó biến đổi khí hậu.

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Phát triển trồng trọt theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; mở rộng các mô hình sản xuất sạch, hữu cơ, tuần hoàn.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, chọn tạo và ứng dụng giống cây trồng năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích người dân và doanh nghiệp Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiết kiệm nước, quản lý dinh dưỡng và sử dụng phân bón hợp lý nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

- Tăng cường chuyển đổi số trong sản xuất và quản lý vùng trồng.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Đơn vị phối hợp: Phòng Kế hoạch Tài chính; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý Chất lượng và NLTS; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông và các Sở ngành, địa phương có liên quan.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, phát triển chăn nuôi bền vững gắn với công tác bảo vệ môi trường; phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, chăn nuôi an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao.

- Tiếp tục khuyến khích các đơn vị có tiềm lực, các viện, trường nghiên cứu, chọn tạo và phát triển giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Khuyến khích cơ sở chăn nuôi áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi (biogas, đệm lót sinh học, tái chế phụ phẩm, tái sử dụng nước) để bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu có hiệu quả vào sản xuất chăn nuôi.

- Tăng cường kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Đơn vị phối hợp: Phòng Kế hoạch Tài chính; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý Chất lượng và NLTS; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông và các Sở ngành, địa phương có liên quan.

c) Lĩnh vực thủy sản

- Triển khai đồng bộ các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật Việt Nam và khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC).

- Quản lý chặt chẽ tàu cá; thực hiện đăng ký, đăng kiểm, cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định.

- Giám sát hành trình tàu cá, kiểm soát hoạt động khai thác trên biển; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm khai thác trái phép vùng biển nước ngoài.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghệ cao, tuần hoàn nước, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích người dân và doanh nghiệp Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống thủy sản chất lượng cao, kháng bệnh tốt.

- Nghiên cứu áp dụng quy trình nuôi tiết kiệm nước, thức ăn, hạn chế phát sinh chất thải ra môi trường.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học, VietGAP, hữu cơ.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Thủy sản và Biển đảo

Đơn vị phối hợp: Phòng Kế hoạch Tài chính; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý Chất lượng và NLTS; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông và các Sở ngành, địa phương có liên quan.

2.3. Triển khai các hoạt động tái sử dụng, tái chế phụ phẩm, phế thải nông nghiệp. Hỗ trợ đầu tư cho các dự án thí điểm và phổ biến công nghệ xử lý, tái sử dụng phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas, phân bón hữu cơ nhằm nâng cao giá trị sản xuất, giảm phát thải ô nhiễm. Xây dựng chính sách khuyến khích tái chế phụ phẩm, phế phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

a) Lĩnh vực trồng trọt

- Hướng dẫn, khuyến khích người dân tổ chức thu gom, tái sử dụng phụ phẩm trồng trọt (rom rạ, thân lá cây trồng, phụ phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả...) theo hướng hạn chế đốt ngoài đồng ruộng, giảm phát thải khí nhà kính.

- Hỗ trợ và nhân rộng các mô hình xử lý phụ phẩm để: Sản xuất phân bón hữu cơ, phân vi sinh; Làm giá thể trồng nấm, thức ăn chăn nuôi; Sản xuất nguyên liệu sinh khối phục vụ năng lượng tái tạo.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, gắn trồng trọt với chăn nuôi và chế biến.

- Tham mưu đề xuất chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư công nghệ xử lý phụ phẩm nông nghiệp.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Đơn vị phối hợp: Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông, các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

- Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở chăn nuôi xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng tái sử dụng, không để ảnh hưởng đến môi trường xung quanh như: sử dụng hệ

thống biogas để xử lý chất thải chăn nuôi; sử dụng chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học; sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi; tái sử dụng nước sau xử lý tưới cho cây trồng.

- Khuyến khích mô hình chăn nuôi tuần hoàn (chăn nuôi – trồng trọt – năng lượng sinh học).

- Tham mưu thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Đơn vị phối hợp: Đơn vị phối hợp: Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông, các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Lĩnh vực thủy sản

- Khuyến khích, hướng dẫn việc thu gom và xử lý phụ phẩm từ nuôi trồng, chế biến thủy sản (đầu, xương, vỏ, bùn thải ao nuôi...) để: Sản xuất thức ăn chăn nuôi, bột cá; Sản xuất phân bón hữu cơ; Tận dụng làm nguyên liệu sinh học, năng lượng sinh khối.

- Hỗ trợ áp dụng mô hình nuôi thủy sản tuần hoàn (RAS, nuôi kết hợp đa loài, nuôi kết hợp thủy sản – trồng trọt).

- Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản thực hiện kiểm soát, xử lý nước thải, bùn thải ao nuôi theo quy chuẩn môi trường; tuyệt đối không xả thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên.

- Tham mưu đề xuất chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ xử lý, chế biến, tận dụng tối đa phụ phẩm thủy sản.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Thủy sản và Biển đảo

Đơn vị phối hợp: Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông, các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.4. Phát triển sản xuất làng nghề theo hướng sinh thái, tuần hoàn

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong sản xuất ở các làng nghề và các cơ sở ngành nghề ở nông thôn.

- Hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất ở nông thôn theo chu trình sinh thái; mô hình xử lý tốt chất thải làng nghề.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Phát triển nông thôn

Đơn vị phối hợp: Chi cục Bảo vệ môi trường; Trung tâm Khuyến nông, các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.5. Tập trung nguồn lực tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án nâng cấp hệ thống để điều đảm bảo an toàn hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh, giao thông, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu. Tăng cường đầu tư hệ thống thủy lợi với thiết bị vận hành theo hướng hiện đại đảm bảo điều tiết, cung cấp và bảo vệ tốt nguồn nước. Đầu tư nâng cao hiệu suất các trạm bơm, triệt để tận dụng khả năng sử dụng các hệ thống thủy lợi tự chảy để tiết kiệm năng lượng bơm nước; quản lý tài nguyên nước bền vững. Tham mưu xây dựng kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và tổ chức thực hiện. Thực hiện các biện pháp sử dụng

tài nguyên nước hiệu quả theo hướng bền vững. Tham mưu ban hành chính sách quản lý tổng hợp các lưu vực sông, nước ngầm... để bảo vệ tài nguyên đất và nước, phát triển thủy lợi, giữ cân bằng sinh thái.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai

Đơn vị phối hợp: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Các Sở ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2.6. Tham mưu cho UBND tỉnh về các quy định, chính sách bảo vệ môi trường theo các định hướng tăng trưởng xanh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan địa phương trong công tác giám sát môi trường nhằm tăng cường hiệu quả bảo vệ môi trường đặc biệt đối với khối công nghiệp. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước trên quan điểm phát triển bền vững, kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; kiểm soát ô nhiễm môi trường hiệu quả. Tham mưu Sở xây dựng danh mục ngành nghề sản xuất, kinh doanh dịch vụ không được phép đầu tư xây dựng mới trong khu dân cư.

Đơn vị chủ trì: Chi cục Bảo vệ Môi trường

Đơn vị phối hợp: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Thủy sản và Biển đảo; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Phát triển nông thôn; Trung tâm Khuyến nông, các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Sở

1.1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các nội dung tại Kế hoạch hành động này, Thủ trưởng các phòng, chi cục, đơn vị trực thuộc Sở có trách nhiệm:

Xây dựng kế hoạch cụ thể, lộ trình triển khai hằng năm và giai đoạn đến năm 2030; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng xanh vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của đơn vị; tích hợp trong các đề án, dự án, chương trình thuộc lĩnh vực quản lý.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

Định kỳ hằng năm **(trước ngày 25/11)** hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở (qua Phòng Kế hoạch, Tài chính) để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

1.2. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; bảo đảm thực hiện

ng nghiêm túc, đồng bộ, tránh hình thức, chồng chéo.

2. Trách nhiệm của Phòng Kế hoạch Tài chính

Chủ trì tham mưu Sở hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện của các đơn vị.

Tham mưu bố trí, lồng ghép nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án liên quan đến tăng trưởng xanh theo quy định của pháp luật.

Phối hợp tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, xử lý chất thải, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

3. Trách nhiệm của các chi cục, đơn vị chuyên môn

Chủ động tham mưu xây dựng, đề xuất chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực phụ trách nhằm thực hiện các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.

Phối hợp với các đơn vị chức năng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm về nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp.

4. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá

Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện Kế hoạch hành động tại các đơn vị, địa phương; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Thực hiện sơ kết giữa kỳ, tổng kết giai đoạn; đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; phê bình, chấn chỉnh các đơn vị thực hiện chưa nghiêm túc, hiệu quả thấp.

PHỤ LỤC

**Danh mục nhiệm vụ, hoạt động cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh đến năm 2030
của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Kết quả/sản phẩm (dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	
1	Góp phần hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh (Cao, A)				
1.1	Hướng dẫn, triển khai xây dựng các văn bản cụ thể hóa định hướng thực hiện tăng trưởng xanh các cấp (Cao, Nhóm A)				
a)	Rà soát kiến nghị Trung ương hoàn thiện khung cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH các ngành, lĩnh vực, đề xuất cơ chế thúc đẩy phát triển các ngành xanh, giảm phát thải KNK	2026-2030	Phòng KHTC	Các phòng, Chi cục, Trung tâm và các đơn vị thuộc Sở.	Văn bản kiến nghị
b)	Cập nhật tích hợp tăng trưởng xanh vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, địa phương hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050 cho giai đoạn mới (theo hướng dẫn của Bộ, ngành chuyên ngành)	2025-2026	Phòng KHTC	Các phòng, Chi cục, Trung tâm và các đơn vị thuộc Sở.	
1.2	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai theo các cấp, các ngành nhằm nâng cao năng lực chống chịu,				

	thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (tích hợp chính sách, huy động nguồn lực...)(Cao; Nhóm A)				
a)	Tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	2026-2027	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu
b)	Hướng dẫn, triển khai cập nhật đánh giá rủi ro, tổn thất và thiệt hại do thiên tai và đa thiên tai	Hằng năm	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Báo cáo đánh giá hằng năm
c)	Hướng dẫn tích hợp kết quả đánh giá vào quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, các kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách cấp địa phương theo thẩm quyền	2025-2030	Phòng KHTC	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Kế hoạch phát triển kinh tế ngành; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;
1.3	Nghiên cứu áp dụng các mô hình, công cụ, chính sách đẩy mạnh kinh tế xanh				
a)	Xây dựng kế hoạch hành động giải quyết vấn đề rác thải nhựa, rác thải đại dương gắn với phát triển kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030	2026	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Quyết định của UBND tỉnh
b)	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, nông thôn	2026-2030	Văn phòng Sở	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa	

				phương có liên quan.	
3	Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh (Cao, C)				
	Xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án xanh/tăng trưởng xanh trọng điểm trong từng thời kỳ (Cao, Nhóm A,C)	2026-2030	Phòng KHTC	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Văn bản, Quyết định
4	Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, sạch, bền vững, thông minh, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...; đẩy nhanh các tiến độ các dự án trồng rừng, tái trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững				
a)	Phát triển nông nghiệp hiện đại, thuận thiên, xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, cung cấp sản phẩm hữu cơ đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế	2026-2030	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Thủy sản và Biển đảo; Chi cục Kiểm lâm <i>(theo từng lĩnh vực)</i>	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Các chương trình, chính sách
b)	Phát triển kinh tế nông nghiệp theo cụm ngành, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, giảm ô nhiễm, đảm bảo an toàn thực phẩm	2026-2030	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Thủy sản và Biển đảo; Chi cục Kiểm lâm <i>(theo từng lĩnh vực)</i>	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	

			vực)		
c)	Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững	2026-2030	Chi cục Kiểm lâm	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
d)	Phát triển và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng các ngành, lĩnh vực khác và đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân	2026-2030	Chi cục Thủy lợi và PCTT	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
e)	Đẩy mạnh ứng dụng KHCN thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng xanh, thông minh, tuần hoàn, bền vững, chống chịu với BĐKH và thiên tai, đa thiên tai	2026-2030	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Thủy sản và Biển đảo; Chi cục Kiểm lâm; Chi cục Thủy lợi và Phòng Chống thiên tai; Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý Chất lượng NLS&TS; Trung tâm Khuyến Nông	các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
5	Quản lý chất thải, chất lượng không khí: Tăng cường công tác quản lý chất thải theo mô hình quản lý tổng hợp, tuần hoàn, coi chất				

	thải là tài nguyên, nguyên liệu sản xuất; thực hiện các giải pháp quản lý chất lượng không khí hiệu quả (Cao; Nhóm A,B,D)				
a)	Tiếp tục xây dựng, triển khai, cụ thể hóa các quy định, nhiệm vụ về quản lý chất thải của tỉnh	2026-2030	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
b)	Triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, các chương trình, dự án quản lý chất thải, tập trung vào giảm thiểu, thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương với sự tham gia của các bên liên quan và người dân	2026-2030	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
c)	Phối hợp thực hiện các chương trình, dự án tăng cường năng lực quản lý, xử lý chất thải rắn và tích hợp các nội dung quản lý tổng hợp chất thải rắn trong quy hoạch của các địa phương (<i>các chương trình/dự án liên quan đến địa phương</i>)	2026-2030	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Khi có yêu cầu
d)	Thí điểm triển khai nhân rộng các chương, dự án giảm thiểu, thu gom phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt	2026-2030	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
e)	Tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí	2026-2030	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
f)	Thực hiện rà soát, lập danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa	2026-2030	Chi cục Bảo vệ môi trường	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở;	

	bàn tỉnh		trường	các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	
6	Kinh tế biển: Thực hiện xanh hóa các ngành hiện có và phát triển các ngành kinh tế biển xanh trên cơ sở đẩy mạnh liên kết các ngành kinh tế biển gắn với các trung tâm kinh tế biển; phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển, các mô hình kinh tế biển xanh; bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái, đa dạng học ven biển (Cao; Nhóm A, C,D)				
a)	Phát triển liên kết các ngành kinh tế biển gắn với các trung tâm kinh tế biển, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển	2026-2030	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Liên kết các ngành kinh tế biển gắn với các trung tâm kinh tế biển, phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển được tăng cường. Tỷ trọng đóng góp vào GRDP của kinh tế biển đạt và vượt mức đề ra trong quy hoạch
b)	Trên cơ sở hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, triển khai các biện pháp để sản lượng đánh bắt thủy, hải sản xuống mức sản lượng bền vững tối đa, tuân thủ các quy định liên quan đến gỡ bỏ thẻ vàng	2026-2030	Chi cục Thủy sản và Biển đảo	Các Phòng, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở; các Sở, ngành, địa phương có liên quan.	Văn bản hướng dẫn, Kế hoạch hành cộng